

Bản án số: 60/2017/HSST

Ngày: 07/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Tuyển

2. Ông Võ Ánh Sửu

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Năng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo tham gia phiên toà: Ông Y Đum Kpă - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2017 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2017/HSST, ngày 26 tháng 7 năm 2017 theo thủ tục rút gọn đối với bị cáo:

Nguyễn Thị A ; tên gọi khác: không; sinh năm 1985, tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1960 và bà Trần Thị C, sinh năm 1960; bị cáo có chồng tên là Trần Văn D, sinh năm 1982; có 02 con, con lớn sinh năm 2005 con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ vào ngày 07/7/2017 đến ngày 10/7/2017 chuyển sang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện H. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1970; Trú tại: Tổ dân phố F, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Chị Đỗ Thị V1, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ dân phố E, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Đoàn Thị V2, sinh 1975; Trú tại: Tổ dân phố G, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Chị Ngô Thị V3, sinh 1969; Trú tại: Tổ dân phố I, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Trần Văn V4, sinh 1982; Trú tại: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ ngày 07/7/2017, Nguyễn Thị A đi đến cửa hàng tạp hóa của chị Đoàn Thị L tại chợ X thuộc tổ dân phố I, thị trấn T, huyện H thì nhìn thấy tại đường luồng phía trong quán chị L có một xấp tiền nên A nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện ý định của mình, A giả vờ vào hỏi mua chăn (mền). Trong lúc chị L lấy chăn đưa cho A xem thì A cúi xuống lấy tiền bỏ vào túi áo khoác của mình và nói không mua chăn nữa mà bỏ đi. Chị L phát hiện bị mất tiền nên đuổi theo và cùng chị Đoàn Thị V2 đưa A về lại cửa hàng. Tại đây, A nhanh chóng lấy số tiền vừa trộm cắp được từ trong túi áo khoác của mình đang mặc vứt xuống nền nhà thì bị chị Đỗ Thị V1, chị V2 và những người có mặt tại hiện trường phát hiện. Sau đó, chị L lượm tiền lên và đưa ra giữa đường đếm được tổng số tiền là 2.750.000đồng và báo cho Công an thị trấn T đến làm việc và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong số tiền theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Thị A khai nhận hành vi đã thực hiện của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn mà Viện kiểm sát đã truy tố và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 47 ngày 14/7/2017 bằng cách trao trả số tiền 2.750.000đồng cho chị Đoàn Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Sau khi nhận lại số tiền bị mất, chị Đoàn Thị L không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 04/KSĐT-HS, ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự, đồng thời, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A từ 06 tháng cho đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự: tuyên bố trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 47 ngày 14/7/2017 bằng cách trao trả số tiền 2.750.000đồng cho chị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị L không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và cũng không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại vắng mặt xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo (có ghi trong đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị A khai nhận: vào khoảng 8 giờ ngày 07/7/2017, khi đi đến cửa hàng tạp hóa của chị Đoàn Thị L tại chợ X thuộc tổ dân phố I, thị trấn T, huyện H thì nhìn thấy tại đường luồng phía trong quán chị L có một xấp tiền nên A nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện ý định của mình, A giả vờ vào hỏi mua chăn (mền). Trong lúc chị L lấy chăn đưa cho A xem thì A lén lút cúi xuống lấy trộm số tiền 2.750.000đồng bỏ vào túi áo khoác của mình và nói không mua chăn nữa mà bỏ đi, sau đó thì bị chị L và những người có mặt tại hiện trường phát hiện và bắt quả tang, báo Công an thị trấn T đến làm việc.

Theo qui định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự thì:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Như vậy, hành vi của bị cáo A đã lấy trộm số tiền 2.750.000đồng của chị Đoàn Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được qui định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự như đã viện dẫn nêu trên.

Xét Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật Nhà nước bảo vệ. Mọi hành vi chiếm đoạt tài sản bất hợp pháp sẽ bị xử lý thích đáng theo qui định của pháp luật. Nhưng do bản tính tham lam, lười lao động, muốn nhanh chóng kiếm tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc. Có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo bị bắt quả tang, người bị hại đã lấy lại được toàn bộ số tiền 2.750.000đồng bị lấy trộm nên chưa gây thiệt hại. Bị cáo không biết chữ, không được học hành nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh rất khó khăn. Ngoài ra, Người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, mức độ phạm tội hạn chế nên có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 47 ngày 14/7/2017 bằng cách trao trả số tiền 2.750.000đồng cho chị Đoàn Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: bị cáo thuộc hộ nghèo có đơn xin miễn giảm án phí nên cần miễn toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Thị A** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1 và khoản 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A **09** (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Nguyễn Thị A cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thị A nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'leo đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 47 ngày 14/7/2017 bằng cách trao trả số tiền 2.750.000đồng (*hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) cho chị Đoàn Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại không có yêu cầu gì đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị A được miễn nộp toàn bộ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Công an huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã N, huyện K;
- Bị cáo;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh

